

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2024, xây dựng kế hoạch năm 2025
thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào
dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

Thực hiện Công văn số 1164/UBND-MTQG ngày 05/7/2024 của Ủy ban Dân tộc về việc đánh giá thực hiện kế hoạch năm 2024, xây dựng kế hoạch năm 2025 của Chương trình MTQG DTTS&MN; trên cơ sở kết quả rà soát, báo cáo của các cơ quan, đơn vị, địa phương và đề xuất của Trưởng Ban Dân tộc tỉnh tại Công văn số 857/BDT-CSDT ngày 18/7/2024; UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo kết quả thực hiện 06 tháng đầu năm, ước thực hiện năm 2024 và xây dựng kế hoạch năm 2025 thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (sau đây gọi tắt là *Chương trình*) cụ thể như sau:

**I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH 06
THÁNG ĐẦU NĂM VÀ ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2024**

1. Công tác chỉ đạo điều hành, triển khai thực hiện Chương trình

- Hoạt động của Ban chỉ đạo, bộ máy giúp việc Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình tại các cấp: định kỳ hàng quý, 06 tháng, BCĐ các Chương trình MTQG của tỉnh, của huyện tổ chức họp để đánh giá kết quả thực hiện, tiến độ giải ngân vốn và chỉ đạo thực hiện, giải quyết khó khăn, vướng mắc trong việc tổ chức thực hiện Chương trình.

- Cơ chế phối hợp giữa các cấp, ngành trong quá trình tổ chức thực hiện: theo nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của UBND tỉnh; các sở, ban ngành và Hội đoàn thể tỉnh chủ trì, hướng dẫn, tổ chức thực hiện triển khai thực hiện các Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thành phần của Chương trình đảm bảo hiệu quả, tránh chồng chéo; UBND các huyện triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn huyện và tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện cho Cơ quan Thường trực Chương trình và các cơ quan chủ trì Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thành phần cấp tỉnh.

- Cơ chế phân cấp quản lý, trao quyền cho địa phương, cơ sở và người dân thực hiện Chương trình: HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND ngày 14/11/2023, phân cấp thẩm quyền cho Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định, điều chỉnh danh mục dự án đầu tư công trung hạn và hằng năm giai đoạn 2021-2025 tại địa phương; UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 23/2023/QĐ-UBND ngày 08/6/2023 và Quyết định số 47/2023/QĐ-UBND ngày

13/12/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; theo đó, đã phân cấp rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị và UBND các huyện thực hiện Chương trình.

- Đánh giá những thuận lợi, khó khăn, hạn chế về công tác chỉ đạo điều hành, triển khai thực hiện Chương trình: Chương trình đã được Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và các cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định đạt được những kết quả nhất định. Tuy nhiên, việc triển khai thực hiện một số nội dung thuộc Chương trình còn chậm hoặc chưa thể triển khai được (nội dung về đào tạo đại học, sau đại học, đào tạo nghề; bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số thuộc dự án 5); tỷ lệ giải ngân của Chương trình còn thấp chưa đạt được mục tiêu đề ra, nhất là giải ngân vốn sự nghiệp.

2. Ban hành cơ chế chính sách, hướng dẫn thực hiện

- Tình hình xây dựng và ban hành các cơ chế chính sách, hướng dẫn thực hiện Chương trình: Trong 06 tháng đầu năm, HĐND tỉnh đã ban hành 02 Nghị quyết¹ quy định cơ chế, chính sách và giao kế hoạch vốn thực hiện Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh; UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 01 Chỉ thị², 06 Quyết định³, 02 Kế hoạch⁴ và nhiều văn bản khác chỉ đạo, giao nhiệm vụ triển khai thực hiện Chương trình cho các sở, ban ngành, hội đoàn thể tỉnh và UBND các huyện.

- Xây dựng, ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung và văn bản hướng dẫn tháo gỡ, giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Chương trình: HĐND tỉnh đã ban hành 01 Nghị quyết⁵; UBND tỉnh ban hành 01 Quyết định⁶, 01 Kế hoạch⁷ để tháo gỡ, giải quyết những khó khăn, vướng mắc

¹ Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 về Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 thực hiện Chương trình (Nguồn vốn: Ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh); Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 05/03/2024 phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình năm 2024 nguồn vốn trung ương và vốn ngân sách tỉnh đối ứng.

² Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 23/01/2024 về việc tập trung thực hiện hiệu quả 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh năm 2024

³ Quyết định số 1415/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 thực hiện Chương trình (Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh); Quyết định số 233/QĐ-UBND ngày 21/02/2024 thành lập Hội đồng thẩm định Dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình giai đoạn 2021 -2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Quyết định số 214/QĐ-UBND ngày 08/3/2024 Phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình (nguồn vốn Trung ương và vốn ngân sách tỉnh đối ứng); Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 19/03/2024 về việc thay đổi thành viên Hội đồng thẩm định Dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình giai đoạn 2021 -2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Quyết định số 457/QĐ-UBND ngày 21/06/2024 điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 thuộc Chương trình (Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương); Quyết định số 584/QĐ-UBND ngày 20/05/2024 về việc thành lập Đoàn kiểm tra thực hiện Chương trình năm 2024

⁴ Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 02/02/2024 Triển khai thực hiện Chương trình năm 2024; Kế hoạch số 51/KH-UBND ngày 06/03/2024 về việc giám sát thực hiện Chương trình năm 2024 trên địa bàn tỉnh

⁵ Nghị quyết số 34/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung, mức chi, mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 – 2025.

⁶ Quyết định số 47/2023/QĐ-UBND ngày 13/12/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 23/2023/QĐ-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi

trong quá trình thực hiện Chương trình.

- UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh xem xét, ban hành: (1) điều chỉnh và giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 thuộc Chương trình; (2) điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thuộc Chương trình; (3) Nghị quyết sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 9 của Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi⁸.

Ngoài ra, UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, giao nhiệm vụ cho các sở, ngành theo chức năng, nhiệm vụ triển khai các văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương; hướng dẫn UBND các huyện tổ chức thực hiện các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần của Chương trình.

- Đánh giá những thuận lợi, khó khăn, hạn chế về công tác ban hành cơ chế chính sách, hướng dẫn thực hiện Chương trình: Đến nay, các văn bản pháp lý để thực hiện Chương trình đã được HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành cơ bản đầy đủ theo thẩm quyền; tuy nhiên, đến nay vẫn còn một số nội dung khó khăn, vướng mắc thuộc thẩm quyền của các Bộ, ngành Trung ương hướng dẫn cụ thể; nhất là vướng mắc trong thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị; nội dung đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù; biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến và phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào DTTS; dự án chuyển đổi số thực hiện Chương trình.

3. Công tác tổng hợp kế hoạch và nguồn vốn NSTW trung hạn và hàng năm của Chương trình

- Tình hình phân bổ, giao dự toán NSNN, kế hoạch vốn Chương trình

+ Kế hoạch vốn Chương trình: Tổng nhu cầu vốn thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025⁹ là 3.565.451 triệu đồng (vốn NSNN là 2.727.874 triệu đồng; vốn vay tín dụng là 623.586 triệu đồng; vốn huy động hợp pháp khác là 213.991 triệu đồng); Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện Chương trình là 1.216.317 triệu đồng (vốn NSTW là 1.105.696 triệu đồng,

⁷ Kế hoạch số 75/KH-UBND ngày 26/03/2024 thực hiện Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp thuộc dự án 5, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025

⁸ Các Tờ trình: số 96/TTr-UBND ngày 26/06/2024 của UBND tỉnh; Tờ trình số 97/TTr-UBND ngày 26/06/2024 của UBND tỉnh; Tờ trình số 103/TTr-UBND ngày 28/06/2024 của UBND tỉnh.

⁹ Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025

NST là 110.621)¹⁰.

+ Tình hình phân bổ, giao dự toán NSNN trung hạn và hàng năm: HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành 05 Nghị quyết¹¹, 08 Quyết định¹² phân bổ vốn và 02 Nghị quyết¹³, 05 Quyết định¹⁴ điều chỉnh, bổ sung vốn để thực hiện Chương trình.

- Cơ chế huy động, phân bổ, sử dụng, lồng ghép nguồn lực: HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 22/03/2023 Quy định cơ chế lồng ghép các nguồn vốn và huy động nguồn lực thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh; đã quy định cụ thể về nguyên tắc lồng ghép, nội dung, cách thức, trình tự thực hiện lồng ghép nguồn vốn và quy trình, thủ tục thanh toán, quyết toán nguồn vốn được lồng ghép; quy định về nguyên tắc huy động và sử dụng nguồn lực huy động, cơ chế huy động, sử dụng nguồn vốn tín dụng và nguồn lực hợp pháp khác trong thực hiện các chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh.

- Kết quả huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực trong kỳ báo cáo:

+ Vốn ngân sách nhà nước là 1.113.639 triệu đồng, trong đó: Vốn ngân sách Trung ương là 1.000.825 triệu đồng (vốn đầu tư: 344.103 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 656.722 triệu đồng); vốn ngân sách địa phương là 112.814 triệu đồng (vốn đầu tư: 37.156 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 75.658 triệu đồng).

+ Vốn vay tín dụng chính sách: Trong năm 2024 chưa bố trí.

- Tình hình tổ chức thực hiện Nghị quyết số 111/2023/QH15 và các quy định về quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình MTQG.

- Đánh giá những thuận lợi, khó khăn, hạn chế về công tác xây dựng, tổng

¹⁰ Quyết định số 849/QĐ-UBND ngày 03/8/2022 Phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và Quyết định số 209/QĐ-UBND ngày 28/3/2023 giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương.

¹¹ Các Nghị quyết số: 31/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn năm 2022; Số 74/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 (đợt 1); số 78/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn năm 2024; số 52/NQ-HĐND ngày 30/9/2022 phân bổ kinh phí sự nghiệp năm 2022; số 04/NQ-HĐND ngày 15/3/2023 phân bổ vốn sự nghiệp năm 2023; số 17/NQ-HĐND ngày 05/03/2024 phân bổ vốn sự nghiệp năm 2024.

¹² Các Quyết định số: 848/QĐ-UBND ngày 03/8/2022 phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn năm 2022; số 1505/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2023 (Đợt 1); số 433/QĐ-UBND ngày 29/5/2023 giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 cho các dự án đủ điều kiện giao vốn; số 1415/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024; số 890/QĐ-UBND ngày 11/8/2022 và số 1124/QĐ-UBND ngày 13/10/2022 phân bổ vốn sự nghiệp năm 2022; số 197/QĐ-UBND ngày 23/3/2023 phân bổ vốn sự nghiệp năm 2023; số 214/QĐ-UBND ngày 08/3/2024 phân bổ vốn sự nghiệp năm 2024.

¹³ Các Nghị quyết số: 05/NQ-HĐND ngày 15/3/2023 bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; số 57/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 kéo dài sang năm 2023 và giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 (đợt 2) nguồn ngân sách địa phương.

¹⁴ Các Quyết định số: 209/QĐ-UBND ngày 28/3/2023 giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; số 914/QĐ-UBND ngày 07/9/2023 điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 (bao gồm kế hoạch vốn năm 2022 kéo dài); số 1061/QĐ-UBND ngày 04/10/2023 điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 kéo dài sang năm 2023 và giao kế hoạch vốn năm 2023 (đợt 2) nguồn ngân sách địa phương; số 1231/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 điều chỉnh vốn sự nghiệp năm 2022 và 2023; Quyết định số 457/QĐ-UBND ngày 21/06/2024 điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương.

hợp kế hoạch, huy động nguồn lực thực hiện Chương trình: Chương trình mang quan điểm đầu tư tổng thể, có nhiều nội dung thực hiện mới; các văn bản hướng dẫn thực hiện chưa được đầy đủ, kịp thời; hơn nữa, Chương trình được thực hiện trên địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, nơi có xuất phát điểm thấp về phát triển - xã hội nên trong thời gian qua chưa thu hút, huy động được các nguồn lực ngoài NSNN; việc thực hiện một số nội dung gặp khó khăn nên phải điều chỉnh kế hoạch thực hiện, điều chỉnh kế hoạch vốn nhiều lần.

4. Công tác kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình

- UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 51/KH-UBND ngày 06/03/2024 về việc giám sát thực hiện Chương trình năm 2024 trên địa bàn tỉnh và Quyết định số 584/QĐ-UBND ngày 20/05/2024 về việc thành lập Đoàn kiểm tra thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2024. Hiện nay, Đoàn kiểm tra của tỉnh đang thực hiện kiểm tra tại 02 Sở và 05 huyện miền núi thực hiện Chương trình¹⁵ dự kiến hoàn thành trong tháng 7/2024.

- Việc phát hiện, hướng dẫn tháo gỡ/các vấn đề qua kiểm tra, giám sát: các khó khăn, vướng mắc đã được UBND tỉnh tổng hợp báo cáo các Bộ, ngành Trung ương hướng dẫn, tháo gỡ¹⁶; đến nay, hầu hết các khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện Chương trình đã được hướng dẫn thực hiện.

Ngoài ra, UBND tỉnh đã chỉ đạo Ban Dân tộc tỉnh góp ý Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN¹⁷; báo cáo kết quả giải quyết kiến nghị sau giám sát của HĐND tỉnh HĐND tỉnh về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh¹⁸ để tiếp tục chỉ đạo cho các cơ quan, đơn vị và địa phương liên quan triển khai thực hiện.

- Việc triển khai kết luận thanh tra, kiểm toán: chưa có hoạt động thanh tra, kiểm toán đối với việc thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh.

- Đánh giá những thuận lợi, khó khăn, hạn chế về công tác kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình: Công tác kiểm tra, giám sát trong thời gian qua đã kịp thời phát hiện, tham mưu tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện Chương trình. Tuy nhiên, việc kiểm tra còn trùng lặp giữa các Chương trình; hệ thống thông tin quản lý, báo cáo số liệu ứng dụng các giải pháp số hóa của Chương trình theo Điều 7, Thông tư số 01/2022/TT-UBND ngày 26/5/2022 chưa được đưa vào vận hành.

¹⁵ Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh và các huyện: Sơn Hà, Sơn Tây, Trà Bồng, Ba Tơ, Minh Long.

¹⁶ Công văn số 1029/UBND-KGVX ngày 29/02/2024 về việc báo cáo tiến độ triển khai thực hiện; kết quả giải ngân vốn và những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia; Công văn số 1713/UBND-KGVX ngày 05/04/2024 về việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện 03 Chương trình MTQG và Nghị quyết số 111/2024/QH15 của Quốc hội

¹⁷ Công văn số 443/BDT-CSDT ngày 15/04/2024 của Ban Dân tộc tỉnh

¹⁸ Báo cáo số 824/BDT-CSDT ngày 10/07/2024 của Ban Dân tộc tỉnh.

5. Công tác truyền thông, tập huấn nâng cao năng lực trong tổ chức triển khai thực hiện Chương trình

- Thông tin, truyền thông, vận động: UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 150/KH-UBND ngày 22/9/2022 về việc truyền thông thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 – 2025; trên cơ sở đó, các Sở ngành và UBND các huyện đã ban hành kế hoạch truyền thông thực hiện Chương trình. Trong thời gian qua, các sở, ngành và các cấp chính quyền ở địa phương đã chủ động, phối hợp triển khai công tác tuyên truyền thường xuyên, rộng khắp bằng nhiều hình thức trực quan như pa nô, phóng sự trên đài truyền hình, trang tin trên Báo Quảng Ngãi, tuyên truyền trên các Hội nghị... nhằm tuyên truyền sâu rộng, giúp người dân vùng đồng bào DTTS&MN hiểu được ý nghĩa của Chương trình và quan điểm đúng đắn của Đảng, Nhà nước đối với công tác dân tộc trong giai đoạn hiện nay và tạo sự đồng thuận cao trong việc tham gia thực hiện Chương trình, góp phần vào thành công chung trong thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh.

- Nâng cao năng lực cho cán bộ các cấp, cộng đồng, người dân: UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 75/KH-UBND ngày 26/03/2024 về việc thực hiện Tiểu dự án 4: đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai chương trình ở các cấp thuộc Dự án 5, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 để tổ chức thực hiện trên địa bàn tỉnh. Hiện nay, Ban Dân tộc tỉnh đang hoàn thiện các thủ tục cần thiết để tổ chức Đoàn công tác đi học tập kinh nghiệm tại các tỉnh phía Bắc về kinh nghiệm triển khai, thực hiện Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi.

- Đánh giá những thuận lợi, khó khăn, hạn chế về công tác tuyên truyền, tập huấn nâng cao năng lực thực hiện Chương trình: Hiện nay, còn 11 chuyên đề của Bộ tài liệu đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cho cộng đồng và cán bộ triển khai thực hiện chương trình ở các cấp thuộc Tiểu dự án 4, Dự án 5 chưa được ban hành nên hạn chế trong việc lựa chọn chuyên đề phù hợp; đối tượng tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn theo quy định còn hạn chế; định mức chi hỗ trợ cho học viên tham gia các lớp đào tạo nghề hiện nay là khá thấp nên chưa thu hút được người tham gia học.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Tình hình phân bổ và giải ngân nguồn vốn thực hiện Chương trình

a) Kết quả phân bổ, giao kế hoạch vốn năm 2024 (bao gồm vốn năm 2022, 2023 kéo dài)

- Đối với nguồn vốn năm 2024 (bao gồm vốn năm 2022, năm 2023 được kéo dài sang thực hiện năm 2024): vốn NSTW: 1.000.825 triệu đồng (vốn đầu tư: 344.103 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 656.722 triệu đồng); vốn NSDP: 112.814 triệu đồng (vốn đầu tư: 37.156 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 75.658 triệu đồng).

+ Nguồn được kéo dài sang thực hiện năm 2024: vốn NSTW: 353.684

triệu đồng (vốn đầu tư: 49.468 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 304.216 triệu đồng); vốn NSDP: 46.750 triệu đồng (vốn đầu tư: 8.151 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 38.599 triệu đồng).

+ Nguồn năm 2024: vốn NSTW: 647.141 triệu đồng (vốn đầu tư: 294.635 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 352.506 triệu đồng); vốn NSDP: 66.064 triệu đồng (vốn đầu tư: 29.005 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 37.059 triệu đồng).

+ Nguồn vốn tín dụng: chưa được giao vốn tín dụng năm 2024.

+ Nguồn huy động khác (*bao gồm cả hiện vật, sức lao động của người dân tham gia được quy đổi ra tiền*): chưa thực hiện.

b) Kết quả giải ngân đến 30/6/2024 (bao gồm vốn năm 2022, năm 2023 được kéo dài sang thực hiện năm 2024)

+ Nguồn năm 2022, năm 2023 được kéo dài sang thực hiện năm 2024: vốn NSTW: 39.835 triệu đồng, tỷ lệ 11,26% (vốn đầu tư: 15.970 triệu đồng, tỷ lệ 32,3%; vốn sự nghiệp: 23.865 triệu đồng, tỷ lệ 7,8%); vốn NSDP: 4.411 triệu đồng, tỷ lệ 9,43% (vốn đầu tư: 2.632 triệu đồng, tỷ lệ 32,29%; vốn sự nghiệp: 1.779 triệu đồng, tỷ lệ 4,61%).

+ Nguồn năm 2024: vốn NSTW: 74.044 triệu đồng, tỷ lệ 11,44% (vốn đầu tư: 73.043 triệu đồng, tỷ lệ 24,79%; vốn sự nghiệp: 1.001 triệu đồng, tỷ lệ 0,28%); vốn NSDP: 4.662 triệu đồng, tỷ lệ 7,06% (vốn đầu tư: 4.565 triệu đồng, tỷ lệ 15,74%; vốn sự nghiệp: 97 triệu đồng, tỷ lệ 0,26%).

+ Nguồn vốn tín dụng: chưa có kết quả giải ngân.

+ Nguồn huy động khác (*bao gồm cả hiện vật, sức lao động của người dân tham gia được quy đổi ra tiền*): chưa thực hiện.

c) Ước giải ngân đến 31/12/2024

+ Nguồn năm 2022, năm 2023 được kéo dài sang thực hiện năm 2024: vốn NSTW: 277.630 triệu đồng, tỷ lệ 78,5% (vốn đầu tư: 49.468 triệu đồng, tỷ lệ 100%; vốn sự nghiệp: 228.162 triệu đồng, tỷ lệ 75%); vốn NSDP: 37.100 triệu đồng, tỷ lệ 79,36% (vốn đầu tư: 8.151 triệu đồng, tỷ lệ 100%; vốn sự nghiệp: 29.949 triệu đồng, tỷ lệ 75%).

+ Nguồn năm 2024: vốn NSTW: 559.015 triệu đồng, tỷ lệ 86,4% (vốn đầu tư: 294.635 triệu đồng, tỷ lệ 100%; vốn sự nghiệp: 264.380 triệu đồng, tỷ lệ 75%); vốn NSDP: 56.799 triệu đồng, tỷ lệ 86% (vốn đầu tư: 29.005 triệu đồng, tỷ lệ 100%; vốn sự nghiệp: 27.794 triệu đồng, tỷ lệ 75%).

2. Kết quả thực hiện các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần của Chương trình

a) Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

- Tổng số vốn giao: 136.476 triệu đồng

+ NSTW: 122.676 triệu đồng (vốn ĐT: 63.880 triệu đồng, vốn SN: 58.796 triệu đồng).

+ NSDP: 13.800 triệu đồng (vốn ĐT: 7.343 triệu đồng, vốn SN: 6.457 triệu đồng).

- Kết quả giải ngân:

+ NSTW: 7.775 triệu đồng, tỷ lệ 6,34%% (vốn ĐT: 5.821 triệu đồng, tỷ lệ 9,11%; vốn SN: 1.954 triệu đồng, tỷ lệ 3,32%).

+ NSDP: 1.628 triệu đồng, tỷ lệ 11,8% (vốn ĐT: 842 triệu đồng, tỷ lệ 11,47%; vốn SN: 786 triệu đồng, tỷ lệ 12,17%).

- Đối với nguồn vốn vay tín dụng chính sách: đã cho vay 45,930 tỷ đồng/1.112 hộ (gồm: cho vay 40,340 tỷ đồng/1.011 hộ xây dựng nhà ở và 5,590 tỷ đồng/101 hộ chuyển đổi nghề); tổng dư nợ là 45,326 tỷ đồng/1.101 hộ (gồm: 40,352 tỷ đồng/1.012 hộ xây dựng nhà ở và 4,974 tỷ đồng/89 hộ chuyển đổi nghề).

- Kết quả thực hiện: như phụ lục kèm theo

b) Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết

- Tổng số vốn giao: 60.715 triệu đồng

+ NSTW: 54.699 triệu đồng (vốn ĐT: 51.210 triệu đồng, vốn SN: 3.489 triệu đồng).

+ NSDP: 6.016 triệu đồng (vốn ĐT: 5.667 triệu đồng, vốn SN: 349 triệu đồng).

- Kết quả giải ngân:

+ NSTW: 8.289 triệu đồng, tỷ lệ 15,15% từ nguồn vốn đầu tư công

+ NSDP: 1.246 triệu đồng, tỷ lệ 20,71% từ nguồn vốn đầu tư công

- Kết quả thực hiện: như phụ lục kèm theo

c) Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị

c1) Tiểu Dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân

- Tổng số vốn giao: 220.041 triệu đồng (gồm: NSTW: 196.090 triệu đồng; NSDP: 23.951 triệu đồng) từ nguồn vốn sự nghiệp.

- Kết quả giải ngân:

+ NSTW: 5.942 triệu đồng, tỷ lệ 3,03% từ nguồn vốn sự nghiệp

+ NSDP: 331 triệu đồng, tỷ lệ 1,38% từ nguồn vốn sự nghiệp

- Kết quả thực hiện: như phụ lục kèm theo

c2) Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN

- Tổng số vốn giao: 225.346 triệu đồng

+ NSTW: 204.366 triệu đồng (vốn ĐT: 22.867 triệu đồng, vốn SN: 181.499 triệu đồng).

+ NSDP: 20.980 triệu đồng (vốn ĐT: 2.286 triệu đồng, vốn SN: 18.694 triệu đồng).

- Kết quả giải ngân:

+ NSTW: 11.905 triệu đồng, tỷ lệ 5,83% từ nguồn vốn sự nghiệp

+ NSDP: 308 triệu đồng, tỷ lệ 1,47% từ nguồn vốn sự nghiệp

- Kết quả thực hiện: như phụ lục kèm theo

c3) Tiểu dự án 3: Phát triển kinh tế xã hội - mô hình bộ đội gắn với dân bản vùng dân tộc thiểu số và miền núi: Tỉnh Quảng Ngãi không thực hiện tiểu dự án này.

d) Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc

d1) Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN

- Tổng số vốn giao: 195.834 triệu đồng

+ NSTW: 176.105 triệu đồng (vốn ĐT: 157.040 triệu đồng, vốn SN: 19.065 triệu đồng).

+ NSDP: 19.729 triệu đồng (vốn ĐT: 16.958 triệu đồng, vốn SN: 2.771 triệu đồng).

- Kết quả giải ngân:

+ NSTW: 58.285 triệu đồng, tỷ lệ 33,1% (vốn ĐT: 58.061 triệu đồng, tỷ lệ 36,97%; vốn SN: 224 triệu đồng, tỷ lệ 1,17%).

+ NSDP: 3.516 triệu đồng, tỷ lệ 17,82% (vốn ĐT: 3.460 triệu đồng, tỷ lệ 20,4%; vốn SN: 56 triệu đồng, tỷ lệ 2,02%).

- Kết quả thực hiện: như phụ lục kèm theo

d2) Tiểu Dự án 2: Đầu tư cơ sở vật chất các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực công tác dân tộc: Tỉnh Quảng Ngãi không thực hiện tiểu dự án này.

đ) Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

đ1) Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT), trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT), trường Phổ thông có học sinh bán trú (trường phổ thông có HSBT) và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS

- Tổng số vốn giao: 35.839 triệu đồng,

+ NSTW: 32.472 triệu đồng (vốn ĐT: 25.038 triệu đồng, vốn SN: 7.434 triệu đồng).

+ NSDP: 3.367 triệu đồng (vốn ĐT: 2.465 triệu đồng, vốn SN: 902 triệu đồng).

- Kết quả giải ngân:

+ NSTW: 15.952 triệu đồng, tỷ lệ 49,13% (vốn ĐT: 15.674 triệu đồng, tỷ lệ 62,6%; vốn SN: 278 triệu đồng, tỷ lệ 3,74%).

+ NSDP: 1.556 triệu đồng, tỷ lệ 46,21% từ nguồn vốn đầu tư công.

- Kết quả thực hiện: như phụ lục kèm theo

đ2) Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS

- Tổng số vốn giao: 20.177 triệu đồng (gồm: NSTW: 17.771 triệu đồng; NSDP: 2.406 triệu đồng) từ nguồn vốn sự nghiệp.

- Kết quả giải ngân: Chưa giải ngân.

- Kết quả thực hiện: như phụ lục kèm theo

đ3) Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi

- Tổng số vốn giao: 42.767 triệu đồng (gồm: NSTW: 38.418 triệu đồng, NSDP: 4.349 triệu đồng) từ nguồn vốn sự nghiệp.

- Kết quả giải ngân:

+ NSTW: 235 triệu đồng, tỷ lệ 0,61% từ nguồn vốn sự nghiệp

+ NSDP: 48 triệu đồng, tỷ lệ 1,1% từ nguồn vốn sự nghiệp

- Kết quả thực hiện: như phụ lục kèm theo

đ4) Tiểu Dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp

- Tổng số vốn giao: 28.044 triệu đồng (gồm: NSTW: 24.927 triệu đồng; NSDP: 3.117 triệu đồng) từ nguồn vốn sự nghiệp.

- Kết quả giải ngân: Chưa giải ngân

- Kết quả thực hiện: như phụ lục kèm theo

e) Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp

của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch

- Tổng số vốn giao: 14.043 triệu đồng,
- + NSTW: 12.411 triệu đồng (vốn ĐT: 4.434 triệu đồng, vốn SN: 7.977 triệu đồng).
- + NSDP: 1.632 triệu đồng (vốn ĐT: 740 triệu đồng, vốn SN: 892 triệu đồng).
- Kết quả giải ngân:
 - + NSTW: 3.315 triệu đồng, tỷ lệ 26,71% (vốn ĐT: 1.168 triệu đồng, tỷ lệ 26,34%; vốn SN: 2.147 triệu đồng, tỷ lệ 26,91%).
 - + NSDP: 236 triệu đồng, tỷ lệ 14,46% (vốn ĐT: 93 triệu đồng, tỷ lệ 12,57%; vốn SN: 143 triệu đồng, tỷ lệ 16,03%).
- Kết quả thực hiện: như phụ lục kèm theo

g) Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em

- Tổng số vốn giao: 14.003 triệu đồng (gồm: NSTW: 12.778 triệu đồng; NSDP: 1.225 triệu đồng) từ nguồn vốn sự nghiệp
- Kết quả giải ngân:
 - + NSTW: 178 triệu đồng, tỷ lệ 1,39% từ nguồn vốn sự nghiệp
 - + NSDP: chưa giải ngân
- Kết quả thực hiện: như phụ lục kèm theo

h) Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em

- Tổng số vốn giao: 35.666 triệu đồng (gồm: NSTW: 31.843 triệu đồng; NSDP: 3.823 triệu đồng) từ nguồn vốn sự nghiệp.
- Kết quả giải ngân:
 - + NSTW: 822 triệu đồng, tỷ lệ 2,58% từ nguồn vốn sự nghiệp
 - + NSDP: 41 triệu đồng, tỷ lệ 1,07% từ nguồn vốn sự nghiệp
- Kết quả thực hiện: như phụ lục kèm theo

ì) Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn

i1) Tiểu Dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội nhóm dân tộc thiểu số rất ít người, nhóm dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù: Không giao vốn trong năm 2024.

i2) Tiểu Dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống của các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù.

- Tổng số vốn giao: 7.525 triệu đồng (gồm: NSTW: 6.669 triệu đồng; NSDP: 856 triệu đồng) từ nguồn vốn sự nghiệp.

- Kết quả giải ngân:

- + NSTW: 329 triệu đồng, tỷ lệ 4,39% từ nguồn vốn sự nghiệp

- + NSDP: 78 triệu đồng, tỷ lệ 9,11% từ nguồn vốn sự nghiệp

- Kết quả thực hiện: như phụ lục kèm theo

k) Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình

k1) Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án Tổng thể và CTMTQG

- Tổng số vốn giao: 11.451 triệu đồng (gồm: NSTW: 10.069 triệu đồng; NSDP: 1.382 triệu đồng) từ nguồn vốn sự nghiệp.

- Kết quả giải ngân:

- + NSTW: 374 triệu đồng, tỷ lệ 3,71% từ nguồn vốn sự nghiệp

- + NSDP: 48 triệu đồng, tỷ lệ 3,47% từ nguồn vốn sự nghiệp

- Kết quả thực hiện: như phụ lục kèm theo

k2) Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN

- Tổng số vốn giao: 24.988 triệu đồng,

- + NSTW: 22.899 triệu đồng (vốn ĐT: 19.634 triệu đồng, vốn SN: 3.265 triệu đồng).

- + NSDP: 2.089 triệu đồng (vốn ĐT: 1.697 triệu đồng, vốn SN: 392 triệu đồng).

- Kết quả giải ngân:

- + NSTW: 68 triệu đồng, tỷ lệ 0,3% từ nguồn vốn sự nghiệp

- + NSDP: chưa giải ngân

- Kết quả thực hiện: như phụ lục kèm theo

- Báo cáo tình hình tổ chức thực hiện Đề án 330 tại địa phương:

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 168/KH-UBND ngày 15/9/2023 thực hiện Chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (thuộc Tiểu dự án 2, Dự án 10) và đã thực hiện mua sắm, lắp đặt

thiết bị phòng họp trực tuyến tại Ban Dân tộc tỉnh và đã nghiệm thu đưa vào sử dụng năm 2023; UBND các huyện và các đơn vị chưa triển khai thực hiện được nội dung này đối với nguồn vốn đầu tư.

k3) Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình.

- Tổng số vốn giao: 5.428 triệu đồng (gồm: NSTW: 4.785 triệu đồng; NSDP: 643 triệu đồng) từ nguồn vốn sự nghiệp.

- Kết quả giải ngân:

+ NSTW: 411 triệu đồng, tỷ lệ 8,59% từ nguồn vốn sự nghiệp

+ NSDP: 37 triệu đồng, tỷ lệ 5,75% từ nguồn vốn sự nghiệp

- Kết quả thực hiện: như phụ lục kèm theo

3. Kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu của Chương trình

- Những mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu đã đạt kế hoạch đề ra trong kỳ báo cáo: trong 02 năm (2022 và 2023) tỉnh Quảng Ngãi đạt và vượt mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào DTTS, cụ thể: năm 2022 giảm 5,37% (vượt so với kế hoạch giao là 3%); năm 2023 giảm 6,01% (vượt so với kế hoạch giao là 3%). Dự kiến năm 2024 giảm 07%.

- Những mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu chưa đạt kế hoạch đề ra trong kỳ báo cáo: đến thời điểm báo cáo, chưa có kết quả rà soát số xã, thôn ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 – 2025.

- Đánh giá tiến độ thực hiện các mục tiêu cụ thể, các chỉ tiêu chủ yếu của Chương trình (so với các chỉ tiêu kế hoạch của Chương trình, các nghị quyết, đề án, kế hoạch của tỉnh): trong 02 năm (2022 và 2023) đã đạt và vượt mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào DTTS so với kế hoạch của tỉnh, cụ thể: năm 2022 giảm 5,37% (vượt so với kế hoạch giao là 4 – 4,5%)¹⁹; năm 2023 giảm 6,01% (vượt so với kế hoạch giao là 4,5%)²⁰.

4. Đánh giá kết quả chung đạt được và những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân cần khắc phục.

Việc thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh luôn được Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh và các cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm chỉ đạo, triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời. Ngay từ đầu năm, UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 23/01/2024 về việc tập trung thực hiện hiệu quả 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh năm 2024; ban hành Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 01/02/2024 về việc triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi năm 2024 và ban hành các Quyết định giao kế hoạch vốn thực hiện Chương trình. UBND tỉnh ban hành

¹⁹ Giao chỉ tiêu tại Kế hoạch số 131/KH-UBND ngày 19/8/2022 của UBND tỉnh.

²⁰ Giao chỉ tiêu tại Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 21/02/2023 của UBND tỉnh.

nhiều văn bản lãnh đạo, chỉ đạo các sở ngành, hội đoàn thể và UBND các huyện tập trung triển khai thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ của Chương trình trong năm 2024, triển khai thực hiện Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia. Ước tính đến cuối năm 2024 tỷ lệ hộ nghèo ở vùng miền núi giảm còn 17,26% (giảm 07% so với đầu năm 2024) và đạt chỉ tiêu đề ra.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc triển khai thực hiện Chương trình còn những tồn tại, hạn chế; những khó khăn, vướng mắc như sau:

- Tiến độ thực hiện Chương trình còn chậm, tỷ lệ giải ngân vốn trong 02 năm 2022, 2023 và năm 2024 (tính đến 30/6/2024) chỉ đạt 11,04% kế hoạch vốn trong năm 2024; trong đó vốn đầu tư phát triển đạt 25,23% và vốn sự nghiệp đạt 3,65% kế hoạch vốn giao. Các nội dung về đào tạo đại học, sau đại học, đào tạo nghề; bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số thuộc dự án 5 chưa triển khai thực hiện hoặc thực hiện rất thấp.

- Một số nội dung khó khăn, vướng mắc chưa được các Bộ, ngành Trung ương hướng dẫn cụ thể; nhất là vướng mắc trong thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị; nội dung đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù; biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến và phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào DTTS...

Nhu cầu đào tạo nghề rất thấp và đăng ký nhỏ, lẻ ở các ngành nghề, nên gây khó khăn cho việc hợp đồng với cơ sở đào tạo giáo dục nghề nghiệp.

- Ủy ban Dân tộc ban hành Bộ tài liệu đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai chương trình ở các cấp để tổ chức thực hiện nhưng chưa đầy đủ các chuyên đề theo Quyết định 752/QĐ-UBND ngày 11/10/2022 của UBND (còn 11 chuyên đề chưa được ban hành) gây khó khăn trong việc tổ chức thực hiện.

III. DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VÀ NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2025

1. Dự kiến mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể kế hoạch năm 2025 theo từng nội dung, dự án thành phần của Chương trình

- Phần đầu mức thu nhập bình quân của người DTTS tăng trên 2 lần so với năm 2020 (khoảng 28,8 triệu đồng/người/năm)

- Tỷ lệ hộ nghèo ở vùng đồng bào DTTS&MN giảm 11,07%.

- Phần đầu đạt 50% số xã (25 xã) và 100% số thôn (06 thôn thuộc xã khu vực I, II và thôn thuộc vùng DTTS&MN) ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022-2025.

- Tỷ lệ xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông

đạt 100%.

- Tỷ lệ thôn có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa đạt 85%.
- Tỷ lệ đồng bào DTTS được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 90%.
- Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp đạt 100%.

2. Dự kiến nguồn lực và khả năng huy động nguồn lực thực hiện Chương trình năm 2025

Tổng nhu cầu thực hiện Chương trình năm 2025 là: 785.192 triệu đồng; cụ thể:

- Ngân sách Trung ương là 636.955 triệu đồng (gồm: vốn đầu tư công là 310.229 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 326.726 triệu đồng);
- Ngân sách tỉnh là 66.056 triệu đồng (gồm: vốn đầu tư công là 32.194 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 33.862 triệu đồng);
- Ngân sách huyện là 29.415 triệu đồng (gồm: vốn đầu tư công là 14.972 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 14.443 triệu đồng);
- Vốn vay tín dụng chính sách là 24.000 triệu đồng;
- Vốn huy động khác là 28.766 triệu đồng.

3. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu để thực hiện

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền để nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, nhất là cán bộ cấp cơ sở và người dân ở vùng đồng bào DTTS&MN, nhất là đồng bào DTTS nghèo trong việc triển khai, tổ chức thực hiện Chương trình nhằm thực hiện đạt được các mục tiêu của Kế hoạch đề ra; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc, cán bộ làm công tác giảm nghèo ở cấp huyện, xã; trong đó cần chú trọng tập huấn các văn bản mới để đảm bảo cán bộ có đủ năng lực lãnh đạo, tổ chức thực hiện Chương trình. Tập huấn, nâng cao năng lực cho cộng đồng trong việc áp dụng kiến thức mới, kỹ thuật mới trong phát triển sản xuất phù hợp với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng đặc biệt khó khăn.

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình; trong đó chú trọng đến việc các vấn đề cần thiết, bức xúc, nâng cao thu nhập cho người dân như hỗ trợ các dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị do các tổ chức kinh tế và người dân trong vùng cùng tham gia thực hiện...; cần có phương pháp mới, cách làm mới trong việc hỗ trợ thực hiện các dự án phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương.

- Các sở, ngành có liên quan và UBND các huyện tiếp tục rà soát, tham mưu UBND tỉnh giải quyết hoặc kiến nghị các Bộ ngành Trung ương hướng dẫn, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các Dự án, Tiểu dự

án, Nội dung thành phần thuộc Chương trình trên địa bàn tỉnh; đánh giá, tham mưu HDND tỉnh, UBND tỉnh kịp thời ban hành các văn bản sửa đổi, bổ sung các Nghị quyết, các quy định cho phù hợp với các văn bản điều chỉnh, bổ sung của Chính phủ và các Bộ ngành Trung ương, phù hợp với thực tiễn của địa phương.

- Các sở, ban ngành, hội đoàn thể tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ cập nhật các văn bản hướng dẫn của các Bộ ngành chủ quản, chủ động ban hành (hoặc tham mưu UBND tỉnh ban hành) các văn bản hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện các nội dung do cơ quan mình chủ trì, quản lý; triển khai thực hiện có hiệu quả 03/CT-UBND ngày 23/01/2024 về tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh năm 2024.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp huy động vốn đảm bảo thực hiện Chương trình theo Kế hoạch này và Kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 08/8/2022. Tăng cường vận động các nguồn lực ngoài ngân sách, các doanh nghiệp tham gia vào các dự án hỗ trợ, đầu tư của chương trình; sử dụng có hiệu quả nguồn vốn tín dụng chính sách. Lồng ghép việc thực hiện các Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và các chương trình, dự án, chính sách phát triển kinh tế - xã hội khác.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát và đôn đốc việc tổ chức thực hiện tại cơ sở; kịp thời giải quyết hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền giải quyết các vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình; phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào DTTS, vai trò giám sát của cộng đồng trong việc thực hiện Chương trình; tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền kết quả thực hiện Chương trình theo quy định.

IV. ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ

1. Kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các Chương trình MTQG đã được UBND tỉnh Quảng Ngãi kiến nghị tại Công văn số 1109/UBND-KGVX ngày 05/3/2024; hướng dẫn việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn thực hiện Chương trình theo hướng giao cho Hội đồng nhân dân cấp tỉnh điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn để làm cơ sở điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công hàng năm theo quy định tại Nghị quyết số 111/2024/QH15.

2. Kính đề nghị Ủy ban Dân tộc xem xét, sớm trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; đồng thời, sớm ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện sau khi có Quyết định điều chỉnh.

3. Kính đề nghị Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam thông báo vốn thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi năm 2024 theo quy định tại Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ để địa phương thực hiện.

UBND tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Dân tộc;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động-Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Thông tin và Truyền thông, Tư Pháp, Công Thương, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giáo dục và Đào tạo;
- Trung ương Hội LHPN;
- Liên minh HTX Việt Nam;
- Ngân hàng CSXH Việt Nam;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động-Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Thông tin và Truyền thông, Tư Pháp, Công Thương, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giáo dục và Đào tạo;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- Hội LHPN tỉnh;
- Liên minh HTX tỉnh;
- Chi nhánh Ngân hàng CSXH tỉnh;
- UBND các huyện: Ba Tơ, Minh Long, Sơn Hà, Sơn Tây, Trà Bồng, Bình Sơn, Tư Nghĩa và Nghĩa Hành;
- VPUB: CVP, PCVP, KTTH, KTN;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX_{VHTin332}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Phiên